

Số: 56/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2024/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vi Văn T; sinh năm: 1982; địa chỉ: K, thị trấn H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Trần Thị H; Sinh năm: 1973; địa chỉ: K, thị trấn H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 28, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vi Văn T và chị Trần Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn T và chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

* Về con chung:

+ Về người trực tiếp nuôi con: Giao con chung tên là Vi Trần P; sinh ngày 03/09/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vi Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* *Về tài sản chung*: Anh Vi Văn T và chị Trần Thị Hồng t thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Về Các khoản nợ*: Anh Vi Văn T và chị Trần Thị Hồng t thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Về án phí*: Anh Vi Văn T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0003356 ngày 19 tháng 4 năm 2024 (anh T đã nộp đủ).

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Hưng Nguyên;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện Hưng Nguyên;

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN
Thẩm phán

- UBND xã nơi đang ký kết hôn;
- Lưu HS, VP./.

Nguyễn Thị Kim Thanh